

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 02/RANGDONG/2021

**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 87 - 89, Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024-38584310 Fax: 024-38585038 Email: [ralaco@rangdong.com.vn](mailto:ralaco@rangdong.com.vn)

Mã số doanh nghiệp: 0101526991

Chứng nhận HTQLCL ISO 9001:2015 số HT 263/7.20.19

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Bình nước cầm tay (thân thủy tinh: 66\*165 mm, 450 ml; nắp nhựa ABS/ nắp nhựa ABS-inox)

2. Thành phần: Thân: Thủy tinh; Nắp: nhựa ABS/ nhựa ABS - inox; Gioăng: Silicon.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: 01 sản phẩm được cho vào trong 01 túi nilon, sau đó đóng gói trong 01 hộp trong. 24 hộp trong cho vào 01 thùng carton (hộp ngoài).

Vật liệu bao bì: carton sóng E bồi duplex 250 g/cm<sup>2</sup> (hộp trong); carton 3 lớp sóng A (hộp ngoài).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

Trụ sở chính: Số 87 - 89, Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Nhà máy sản xuất: Khu Công nghiệp Quế Võ, Bắc Ninh

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem phụ lục đính kèm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-1 : 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-2 : 2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-3 : 2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-4 : 2015/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2021



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Trung Tường

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

Tên mẫu: **Bình nước cầm tay thủy tinh**  
*Name of sample* **( thân thủy tinh 66x165mm, 450ml)**

Khách hàng: **Công ty cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông**  
*Customer*

Số lượng mẫu: **03 cái**  
*Quantity*

Ngày nhận mẫu: **9/3/2021**  
*Date of receiving*

Tình trạng mẫu: **Mẫu không bao gói**  
*Status of sample*

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 9/03/2021** **Đến ngày: 19/03/2021**  
*Test duration* **From** **To**

**TRƯỞNG PHÒNG  
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**  
*Head of Lab*

**Nguyễn Trần Quân**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Ngọc Châm**

- 1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test results is value only for samples taken by customer.*
- 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
- 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.*

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
	<b>Thử phần thân thủy tinh</b>			
	Hàm lượng Chì tối thiểu	mg/l	TCVN 7542-1:2005 (QCVN 12-4:2015/BYT)	KPH (LOD = 0,01)
	Hàm lượng Cadimi tối thiểu	mg/l	TCVN 7542-1:2002 (QCVN 12-4:2015/BYT)	KPH (**) (LOD = 0,01)

KPH: không phát hiện  
 LOD: giới hạn phát hiện



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

Tên mẫu: **Bình nước cầm tay thủy tinh – nắp nhựa ABS**  
*Name of sample*

Khách hàng: **Công ty cổ phần Bóng Đèn phích nước Rạng Đông**  
*Customer*

Số lượng mẫu: **03 chiếc**  
*Quantity*

Ngày nhận mẫu: **9/03/2021**  
*Date of receiving*

Tình trạng mẫu: **Mẫu trong túi nilon**  
*Status of sample*

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 9/03/2021 Đến ngày: 19/03/2021**  
*Test duration From To*

**TRƯỞNG PHÒNG  
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**  
*Head of Lab*

**Nguyễn Trần Quân**

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021  
**GIÁM ĐỐC**  
*Director*

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Ngọc Châm*

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.*  
*This test results is value only for samples taken by customer.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*  
*This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*  
*Name of sample and customer are written as customer's request.*

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức quy định Limits (***)	Kết quả Results
	<b>Thử phần nắp nhựa ABS</b>				
1	<b>Thử phần vật liệu</b>				
	- Hàm lượng Chì (*)	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	KPH (LOD =1,0)
	- Hàm lượng Cadimi (*)	µg/g	“	< 100	KPH (LOD =1,0) (**)
2	<b>Thử ngâm thôi nhiễm</b>				
	- Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm: (*)		QCVN 12-1:2011/BYT		
	. 60°C, 30 phút, trong nước	µg/ml	“	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
	- Tổng kim loại nặng qui ra Pb (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit axetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
	- Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng: (*) (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong nước)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD =1,0)

(\*): Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS

(\*\*): KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện của phương pháp

(\*\*\*): Mức quy định: QCVN12-1:11/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

Tên mẫu: **Bình nước cầm tay thủy tinh – nắp nhựa ABS, inox**  
*Name of sample*

Khách hàng: **Công ty cổ phần Bóng Đèn phích nước Rạng Đông**  
*Customer*

Số lượng mẫu: **03 chiếc**  
*Quantity*

Ngày nhận mẫu: **9/03/2021**  
*Date of receiving*

Tình trạng mẫu: **Mẫu trong túi nilon**  
*Status of sample*

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 9/03/2021 Đến ngày: 19/03/2021**  
*Test duration From To*

**TRƯỞNG PHÒNG  
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**  
*Head of Lab*



**Nguyễn Trần Quân**

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021  
**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Ngọc Châm*

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.*  
*This test results is value only for samples taken by customer.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*  
*This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*  
*Name of sample and customer are written as customer's request.*

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức quy định Limits (***)	Kết quả Results
1.	<b>Thử phần nắp nhựa ABS</b>				
1.1	<b>Thử vật liệu</b>				
	- Hàm lượng Chì (*)	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	KPH (LOD = 1,0)
	- Hàm lượng Cadimi (*)	µg/g	„	< 100	KPH (LOD = 1,0) (**)
1.2	<b>Thử ngâm thối nhiễm</b>				
	- Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm: (*) , 60°C, 30 phút, trong nước	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT „	≤ 30	KPH (LOD = 5,0)
	- Tổng kim loại nặng qui ra Pb (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit axetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
	- Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng, : (*) (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong nước)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD = 1,0)
2	<b>Thử phần nắp inox</b>				
	- Kim loại thối nhiễm (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong nước)			QCVN12-3:2011/BYT	
	Hàm lượng Pb (*)	µg/ml	QCVN 12-3:2011/BYT	≤ 0,4	KPH (LOD = 0,01) (**)
	Hàm lượng Cd (*)	µg/ml	QCVN 12-3:2011/BYT	≤ 0,1	KPH (LOD = 0,01)
	Hàm lượng As	µg/ml	TN4/HD/N2-26	≤ 0,2	KPH (LOD = 0,01)

(\*): Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS

(\*\*): KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện của phương pháp

(\*\*\*): Mức quy định: QCVN12-1:11/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

1. Tên mẫu thử /Name of sample: **Bình nước cầm tay thủy tinh – Gioăng silicon**  
 2. Khách hàng /Customer: **Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông**  
 3. Số lượng mẫu /Quantity: **04 cái**      4. Ngày nhận mẫu /Date of receiving: **12/01/2021**  
 5. Tình trạng mẫu /Status of sample: **Mẫu trong túi nilon**  
 6. Thời gian thử nghiệm / Test duration: **Từ ngày/from: 12/ 01 /2021 đến ngày/To: 26/ 01 /2021**

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test methods	Mức QCVN 12- 1:2011/BYT	Giới hạn phát hiện	Kết quả Results
1	Hàm lượng kim loại: Hàm lượng Pb                      µg/g(*)	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 100	1,0	Không phát hiện
2	Hàm lượng Cd                      µg/g(*)	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 100	1,0	Không phát hiện
3	Định tính Formaldehyd (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong nước)	-nt -	Âm tính	-	Âm tính
4	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm: (*) 1. 95°C, 30 phút, trong nước                      µg/ml 2. 60°C, 30 phút, trong etanol 20%                      µg/ml 3. 95°C, 30 phút, trong axit axetic 4%                      µg/ml	-Nt- nt nt nt	≤ 60 ≤ 60 ≤ 60	5,0 5,0 5,0	Không phát hiện Không phát hiện < 15
5	Hàm lượng Phenol                      µg/ml (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong nước)	QCVN 12-2:2011/BYT	< 5,0	0,5	Không phát hiện
6	Tổng kim loại nặng qui ra Pb                      µg/ml (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong axit axetic 4%)	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 1,0	-	< 1,0
7	Hàm lượng Zn thôi nhiễm                      µg/ml(*) (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong axit axetic 4% )	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 15,0	0,01	Không phát hiện
8	Định tính 2Mercaptoimidazolin	TN4/ HD/ N3 -179 (HPLC - DAD)	Âm tính	-	Âm tính

(\*) chỉ tiêu được Vilas công nhận; LOQ: giới hạn định lượng của phòng thử nghiệm

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
**HOÁ - THỰC PHẨM**

Nguyễn Trần Quân

Hà nội, ngày 26 tháng 01 năm 2021

**GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
 Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
 Name of sample and customer are written as customer's request.